

trưng cần khai thác đó là dòng men, loại hình, kiểu dáng, kích thước, kỹ thuật và hoa văn. Trong sưu tập này, dòng men nâu trắng và men trắng vẽ hoa lam cũng như các loại hình âu, liễn, nắp liễn có số lượng quá ít vì vậy chúng tôi sẽ thống kê, và so sánh những sản phẩm này trong quá trình xác định niên đại. Bên cạnh đó, loại hình bát đĩa men trắng, men ngọc có số lượng nhiều hơn cả, các đặc trưng sẽ được khái quát từ những loại hình này. Dưới đây là những đặc trưng được rút ra sau khi đã phân loại thống kê nhóm hiện vật gốm Lý - Trần tại bãi Kê Chèo

**Về dòng men**, dễ dàng quan sát tại đây có 4 dòng men: men trắng, men ngọc, men nâu trắng và men trắng vẽ hoa lam.

*Bảng 1. Bảng thống kê loại hình hiện vật tại bãi Kê Chèo*

Dòng men	Bát	Đĩa	Âu	Liễn	Nắp liễn	Tổng
Men trắng	34	20	1	3	1	<b>59</b>
Men ngọc	3	9				<b>12</b>
Men nâu trắng	1					<b>1</b>
Hoa lam	1					<b>1</b>
<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>26</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>73</b>

Theo Tiến sĩ Ngô Thị Thanh Thúy: thành phần men gốm thời Lý - Trần có đặc điểm: “Màu men gốm từ trắng ngà, xanh ngọc nhẹ, xanh ngọc sẫm, nâu vàng nhẹ, nâu đen sẫm đều do oxit sắt quyết định. Khi hàm lượng oxit sắt thấp dưới 1% sẽ cho màu trắng ngà đến xanh ngọc nhẹ, khoảng 2-3% cho màu xanh ngọc sẫm, khoảng 6-10% cho màu nâu vàng nhạt đến nâu đen sẫm” (Ngô Thị Thanh Thúy, 2016). Vì đặc điểm này mà gốm men trắng và men ngọc dễ bị nhầm lẫn với nhau.

Trong sưu tập này, men trắng có các sắc trắng xanh lá và trắng xanh da trời, men phủ từ trong lòng đến gần hết thân ngoài hoặc đến hết thành ngoài chân đế. Một số tiêu bản bát, đĩa, âu để lộ lớp áo men cho thấy kỹ thuật phủ men bao gồm 2 bước: phủ lớp áo men và lớp men ngoài. Men phủ mỏng, nhiều tiêu bản bị bong men, một số tiêu bản khác bị đọng men.

Đặc điểm men trên dòng men ngọc tương đối giống với men trắng, chỉ khác màu sắc của men ngọc đậm hơn. Men ngọc có sắc xanh và vàng nâu, so với men trắng thì men ngọc ít bị bong men hơn và vẫn có hiện tượng đọng men.

Men nâu trắng có thành ngoài phủ men nâu, trong lòng phủ men trắng (sắc trắng xanh), men phủ tương đối đều.

Men trắng vẽ hoa lam là sắc trắng xám (khác với sắc độ trên dòng men trắng), men phủ mỏng, đều.

**Về mặt kiểu dáng**, bát đĩa thời Lý - Trần thường có 3 dáng bát cơ bản là: dáng vát thẳng, dáng vát cong và dáng cong. Tại sưu tập này chỉ có dáng vát cong, với các kiểu miệng lại khác nhau. Thống kê cho thấy có 6 kiểu miệng và có sự khác biệt về kiểu miệng giữa bát và đĩa cũng như giữa men ngọc và men trắng (bảng 2).

Trên dòng men trắng, kiểu miệng phổ biến của bát là loại miệng thẳng, ngoài ra còn có miệng thẳng có gờ mép ngoài và miệng loe cong. Kiểu phổ biến của đĩa là miệng loe, ngoài ra còn có miệng thẳng, miệng loe cong, và miệng loe bẻ ngang.

Trên dòng men ngọc, loại hình bát chỉ có một kiểu miệng loe. Đĩa có tỉ lệ miệng loe nhiều nhất, nhưng tỉ lệ miệng thẳng cũng tương đối lớn, ngoài ra còn có kiểu miệng thẳng, có gờ mép trong không có ở các loại hình khác.

**Kỹ thuật chân đế:** trên đồ gốm Lý -

Bảng 2. Bảng thống kê dáng miệng loại hình bát, đĩa men trắng và men ngọc

Loại hình		Miệng thẳng		Miệng thẳng, có gờ mép ngoài		Miệng loe cong		Miệng loe		Miệng loe bề ngang		Miệng thẳng, có mép gờ		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Men trắng	Bát	23	67,6	5	14,7	6	17,6							34	100
	Đĩa	4	20			2	10	13	65	1	5			20	100
	<b>Tổng</b>	27	50	5	9,3	8	15	13	24,1	1	2			54	100
Men ngọc	Bát							3	100					3	100
	Đĩa	3	33,3					5	55,6			1	11,1	9	100
	<b>Tổng</b>	3	25					8	66,7			1	8,3	12	100



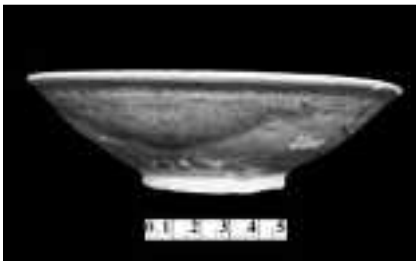
Bát miệng thẳng



Bát miệng thẳng có gờ mép ngoài



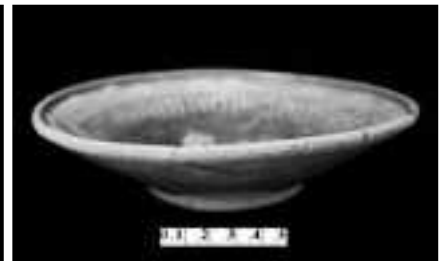
Bát miệng loe cong



Đĩa miệng loe



Đĩa miệng loe, bề ngang

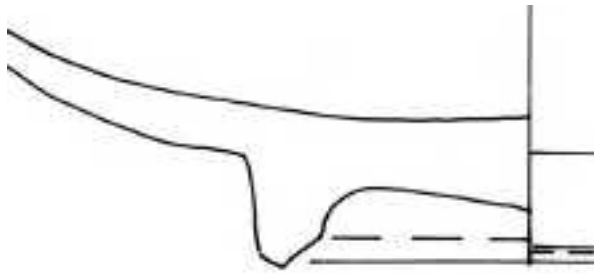


Đĩa miệng thẳng, có gờ mép trong

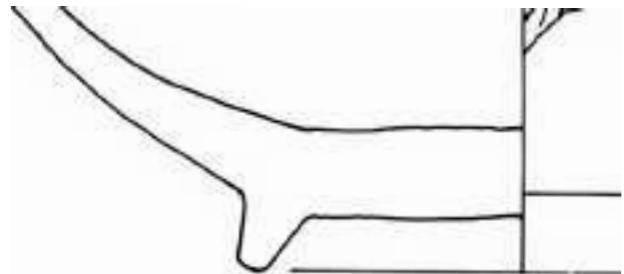
Trên ở đây chúng tôi muốn nói đến kỹ thuật khi cắt khoét lòng chân đế. Tùy kỹ thuật và công cụ mà dấu vết để lại sẽ khác nhau. Tuy nhiên cho đến nay chưa có thực nghiệm nào để biết chính xác kỹ thuật này được tiến hành như thế nào. Vì vậy thông thường sẽ dựa vào dấu vết còn lại quan sát được để phân loại. Tiêu chí này đã được sử dụng khi phân loại

gốm Lý - Trần tại một số di tích ở Hà Nội (Đỗ Đức Tuệ 2012, Lê Ngọc Hân 2015, Thân Văn Tiệp 2018). Về cơ bản gồm có hai hệ thống kỹ thuật là góc chân đế cắt tiện (góc chân đế là một điểm nhọn) và góc chân đế cắt vết (góc chân đế cong).

Kết quả thống kê cho thấy, bát đĩa Lý-



**Kỹ thuật cắt vét**



**Kỹ thuật cắt tiện**

*Hình 2. Kỹ thuật chân đế*

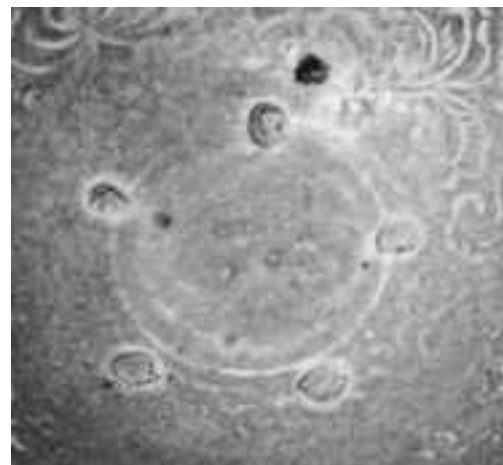
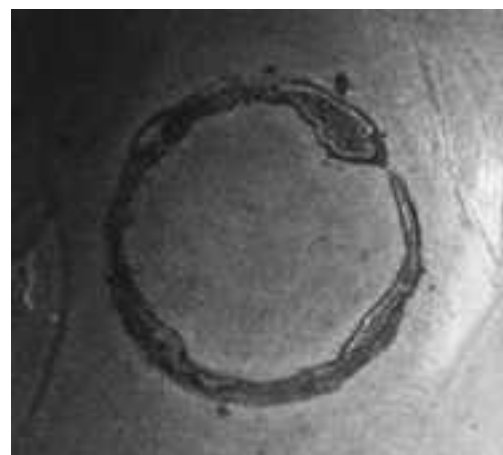
Trên trên cả hai dòng men sử dụng hệ thống cắt tiện là chủ yếu, hệ thống cắt vét rất ít. Trên dòng men ngọc, duy nhất 1 chiếc đĩa sử dụng kỹ thuật cắt vét.

*Bảng 3. Bảng thống kê kỹ thuật tạo chân đế loại hình bát, đĩa men trắng và men ngọc*

Loại hình		Hệ thống cắt điện		Hệ thống cắt vét		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Men trắng	Bát	25	<b>73,53</b>	9	26,47	34	100
	Đĩa	16	80,00	4	20,00	20	100
	<b>Tổng</b>	41	75,93	13	24,07	54	15
Men ngọc	Bát	3	100,00			3	100
	Đĩa	8	88,89	1	11,11	9	100
	<b>Tổng</b>	11	91,67	1	8,33	12	100

**Kỹ thuật chống dính khi nung** (kỹ thuật chống nung): là kỹ thuật sử dụng các phương pháp để khi nung sản phẩm không bị dính vào nhau hoặc dính vào bao nung. Theo thống kê của Nishino thì gồm ở Việt Nam có 11 phương pháp chống nung (Nishino 2002). Trong đó, gồm thời Lý - Trần theo chúng tôi thống kê có 8 phương pháp.

*Hình 3. Dấu vết kỹ thuật chống nung*



**Kỹ thuật con kê vành khăn có máu**

Thống kê tại bộ sưu tập này chỉ thấy hai phương pháp là sử dụng bột chống dính và con kê vành khăn có máu (4-5 máu). Ngoài ra còn một vài tiêu bản không có dấu vết chống nung có thể được xếp nung trên cùng. Phương pháp

chồng nung bằng bột chống dính có số lượng nhiều hơn ở cả hai dòng men. Tuy nhiên ở dòng men trắng thì phương pháp này cho thấy tỉ lệ cao hơn hẳn so với các nhóm khác. Ở men ngọc bên cạnh phương pháp bột chống dính, phương pháp sử dụng con kê vành khăn có mẫu cũng có số lượng đáng kể.

*Bảng 4. Bảng thống kê kỹ thuật chống dính khi nung loại hình bát, đĩa men trắng và men ngọc*

Loại hình		Bột chống dính		Con kê vành khăn có mẫu		Không có dấu vết		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Men trắng	Bát	21	61,76	6	17,65	7	20,59	34	100
	Đĩa	12	60,00	1	5,00	7	35,00	20	100
	<b>Tổng</b>	<b>33</b>	<b>61,11</b>	<b>7</b>	<b>12,96</b>	<b>14</b>	<b>25,93</b>	<b>54</b>	<b>100</b>
Men ngọc	Bát	2	66,67	1	33,33			3	100
	Đĩa	5	55,56	3	33,33	1	11,11	9	100
	<b>Tổng</b>	<b>7</b>	<b>58,33</b>	<b>4</b>	<b>33,33</b>	<b>1</b>	<b>8,33</b>	<b>12</b>	<b>100</b>

**Kỹ thuật chỉnh sửa mép chân đế:** là kỹ thuật được thực hiện ở những khâu cuối cùng. Tại sưu tập này có 2 loại là cắt phẳng mép đế và cắt vát hai mép đế, tần suất xuất hiện của hai kỹ thuật này gần như tương đương. Số liệu thống kê cho thấy kỹ thuật mép cắt phẳng xuất hiện nhiều nhất ở nhóm không có dấu vết chồng nung, ngược lại kỹ thuật này ít hơn trên nhóm con kê vành khăn có mẫu và bột chống dính. Kỹ thuật mép cắt vát 2 lần chủ yếu thấy trên nhóm bột chống dính, không xuất hiện trên nhóm con kê vành khăn có mẫu, và rất ít trên nhóm không có dấu vết chồng nung. (Bảng 5).

*Bảng 5. Bảng thống kê kỹ thuật chỉnh sửa mép chân đế trên bát, đĩa men trắng và men ngọc*

Dòng men	Loại hình	Bột chống dính				Con kê vành khăn có mẫu				Không có dấu vết chồng nung				Tổng	
		Mép cắt phẳng		Mép cắt vát 2 lần		Mép cắt phẳng		Mép cắt vát 2 lần		Mép cắt phẳng		Mép cắt vát 2 lần			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Men trắng	Bát	2	5,88	19	55,88	6	17,65	0,00	5	14,71	2	5,88	34	100,00	
	Đĩa	3	15,00	9	45,00	1	5,00	0,00	7	35,00	0,00	20	100,00		
	<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>9,26</b>	<b>28</b>	<b>51,85</b>	<b>7</b>	<b>12,96</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>22,22</b>	<b>2</b>	<b>3,70</b>	<b>54</b>	<b>100,00</b>	
Men ngọc	Bát			2	66,67	1	33,33					3	100,00		
	Đĩa	3	33,33	2	22,22	3	33,33		1	11,11		9	100,00		
	<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>25,00</b>	<b>4</b>	<b>33,33</b>	<b>4</b>	<b>33,33</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>8,33</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>100,00</b>		

**Vẽ hoa văn:** trong số 73 hiện vật, có 25 hiện vật có trang trí hoa văn, chiếm 34,25% tổng số hiện vật, trong đó 13 hiện vật men trắng, 11 hiện vật men ngọc và 1 hiện vật men trắng vẽ hoa lam. Như vậy, ở bộ sưu tập này dòng men trắng có số lượng nhiều nhất nhưng tỉ lệ hiện vật có trang trí có hoa văn thấp nhất, ngược lại dòng men ngọc hầu hết các hiện vật có hoa văn.

Trên dòng men trắng, men ngọc hoa văn trang trí nằm ở thành trong của sản phẩm và có 2 phương pháp tạo hoa văn là khắc vạch dưới men và in khuôn. Hoa văn trang trí bát đĩa men trắng sử dụng cả hai phương pháp với các motif khác nhau. Thống kê cho thấy có sự khác nhau về motif hoa văn trên bát và đĩa. Hầu hết hoa văn trên bát không thấy trên đĩa, ngoại trừ motif sen 5 cánh bằng phương pháp khắc vạch. Những sản phẩm men ngọc có hoa văn đều sử dụng phương pháp in khuôn và các motif hầu như không trùng với dòng men trắng. Duy nhất motif in khuôn cúc tia, giữa lòng có họa tiết trang trí trên đĩa có cùng kiểu dáng ở cả hai dòng men.

*Bảng 6. Bảng thống kê hoa văn loại hình bát, đĩa men trắng*

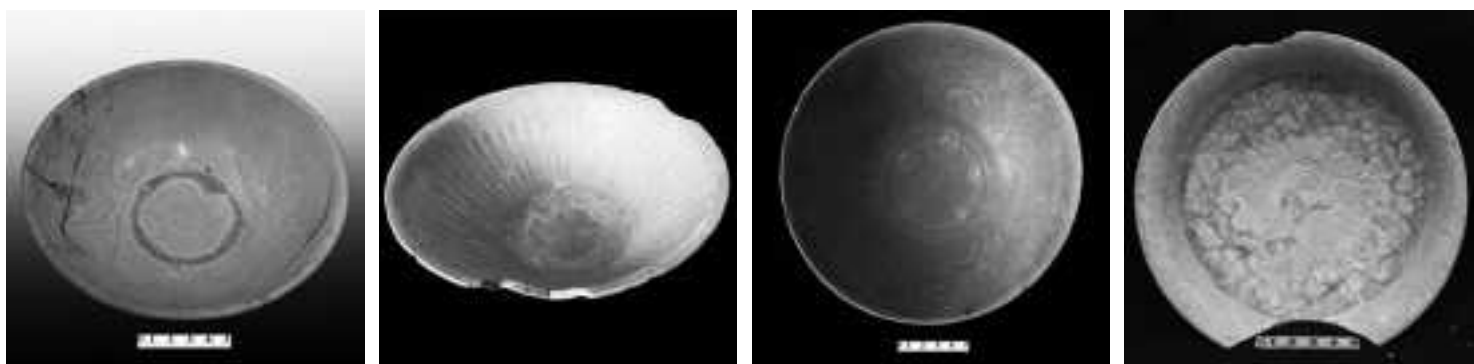
Loại hình	Khắc vạch				In khuôn					Tổng		
	Sen 5 cánh		Sóng nước		Cúc tia		Cúc tia, giữa lòng có họa tiết		Mẫu đơn 1			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bát	3	60,00	1	20,00	1	20,00					5	100
Đĩa	1	12,50					5	62,50	2	25,00	8	100
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>30,77</b>	<b>1</b>	<b>7,69</b>	<b>1</b>	<b>7,69</b>	<b>5</b>	<b>38,46</b>	<b>2</b>	<b>15,38</b>	<b>13</b>	<b>100</b>

**Về mặt kích thước,** kết quả phân loại cho thấy có sự khác nhau giữa các khoảng kích thước ĐKM, có 3 loại kích cỡ sản phẩm (bát, đĩa, âu): Loại 1 (ĐKM >=17cm), loại 2

Bảng 7: Bảng thống kê hoa văn loại hình bát, đĩa men ngọc

Loại hình	Khắc vạch				In khuôn						Tổng	
	Sen 5 cánh		Sóng nước		Cúc tia		Cúc tia, giữa lòng có họa tiết		Mẫu đơn 1			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%

Hình 4. Các loại họa tiết hoa văn:



Sen 5 cánh

Cúc tia

Sóng nước

Mẫu đơn 1



Cúc tia, giữa lòng có họa tiết

Cúc 3 lớp

Mẫu đơn 2

(14cm<ĐKM<17cm), loại 3 (ĐKM<=13cm), cụ thể:

+ Loại hình bát men trắng có 3 loại kích thước, trong đó bát cỡ lớn (loại 1) có số lượng lớn nhất. Bảng thống kê kích thước trung bình cho thấy các kích thước ĐKM, ĐKĐ tỉ lệ thuận với nhau có sự giảm dần từ loại 1 đến loại 3, tuy nhiên chiều cao và cao chân để tăng lên từ loại 1 đến loại 2 và giảm xuống ở loại 3. Ở loại bát cỡ nhỏ các yếu tố này tỉ lệ thuận với nhau, điều này là bắt buộc để giữ hình dáng cân đối cho sản phẩm.

Bảng 8. Bảng kích thước bát men trắng (đơn vị: cm)

Kích thước	ĐKM		ĐKĐ		Cao		Cao CD		Số lượng	Tỉ lệ (%)
	Min	Max	Min	Max	Min	Max		Max		
Loại 1	17	19,1	6,4	7,5	5,95	7,3	0,55	1,15	14	41,18
Loại 2	15,50	16,90	5,30	7,20	6,00	7,55	0,85	1,20	12	35,29
Loại 3	9,80	13,50	4,30	5,80	3,50	5,90	0,50	1,20	8	23,53
Tổng									34	100,00

Bảng 9. Kích thước trung bình các loại bát men trắng (đơn vị: cm)

Loại bát	ĐKM	ĐKĐ	Cao	Cao CD
Loại 1	17,54	7,04	6,64	0,89
Loại 2	16,43	6,34	6,68	1,00
Loại 3	11,43	4,96	4,50	0,74

+ Loại hình đĩa men trắng: Đĩa men trắng ở sưu tập này hầu hết nằm trong khoảng ĐKM từ 14,7-16,3; có 2 tiêu bản cá biệt ĐKM 17,3 và 18,6. Hai tiêu bản này cũng

có nhiều đặc điểm khác với nhóm còn lại. Thống kê cho thấy ở loại hình đĩa, các kích thước ĐKM, ĐKD và chiều cao tỉ lệ thuận với nhau, giảm dần từ loại 1 đến loại 2, chiều cao chân đế không có thay đổi rõ rệt.

*Bảng 10. Bảng thống kê kích thước đĩa men trắng (đơn vị: cm)*

Đĩa	ĐKM	ĐKD	Cao	Cao CD	Số lượng	Ti lệ(%)
Loại 1	17,3-18,6	5,8-6,4	4,7-5,1	0,7-0,8	2	10,00
Loại 2	14,7-16,3	4,4-6,9	3,3-4,8	0,4-1,1	18	90,00

*Bảng 11. Bảng thống kê giá trị trung bình kích thước đĩa men trắng*

Đĩa	ĐKM	ĐKD	Cao	Cao CD
Loại 1	17,95	6,10	4,90	0,75
Loại 2	15,60	5,85	3,97	0,64

+ Loại hình bát men ngọc chỉ có 3 tiêu bản đều thuộc bát loại 1, mặc dù có giá trị trung bình của ĐKM và ĐKD lớn hơn bát loại 1 men trắng nhưng chiều cao và chiều cao chân đế lại thấp hơn.

*Bảng 12. Bảng thống kê các kích thước của bát men ngọc*

	ĐKM	ĐKD	Cao	Cao CD
Kích thước	17,7-18,7	6,9-7,6	6,3-6,8	0,5-0,8
Giá trị trung bình	18,13	7,13	6,55	0,67

+ Loại hình đĩa men ngọc có 12 tiêu bản loại 2, so sánh với đĩa loại 2 men trắng thì không có sự chênh lệch nhiều. Như vậy đây là loại kích thước đĩa phổ biến trong sưu tập này.

*Bảng 13. Bảng thống kê các kích thước của đĩa men ngọc*

Đĩa men ngọc	ĐKM	ĐKD	Cao	Cao CD
Kích thước	14,5-16,6	5,5-6,9	3,7-4,6	0,4-1
Giá trị trung bình	15,56	6,10	4,27	0,66

## **2. Một vài nhận xét về bộ sưu tập gốm Lý - Trần tại bãi Kê Chào**

Về mặt niên đại, chúng tôi tiến hành so sánh nhóm gốm ở đây với gốm tại một số di tích thời Trần tại Nam Định. Kết quả cho thấy loại hình bát, đĩa ở đây cơ bản có kiểu dáng và

hoa văn giống với một vài loại hình niên đại giữa thế kỷ 13 đến giữa thế kỷ 14 tại di chỉ Bãi Hạ Lan và di chỉ Cồn Chè, Cồn Thịnh (Nam Định) (Nishino Noriko, 2002). Bên cạnh đó, một vài tiêu bản niên đại có thể sớm hơn từ thời Lý (đầu thế kỷ 13). Vì vậy bước đầu chúng tôi nhận định 73 hiện vật này có niên đại thời Lý - Trần, cụ thể là từ đầu thế kỷ 13 đến giữa thế kỷ 14. Tuy nhiên phần lớn là niên đại Trần, giữa thế kỷ 13 đến giữa thế kỷ 14.

Về kích thước, bát có kích cỡ phổ biến là loại trung bình và lớn (ĐKM>14cm), trong đó kích cỡ lớn có số lượng nhiều hơn ở cả hai dòng men. Đĩa phần lớn có kích thước trung bình (14cm<ĐKM<17cm), ngoại trừ hai chiếc đĩa men trắng có kích cỡ lớn.

Về mặt kỹ thuật, dựa vào đặc điểm về kỹ thuật chôn nung và kỹ thuật chỉnh sửa mép đế, chứng minh rằng hai kỹ thuật này có ảnh hưởng đến nhau, ít nhất là trên gốm thời Trần. Kỹ thuật chôn dính khi nung sẽ quyết định kỹ thuật chỉnh sửa chân đế. Cụ thể nếu là kỹ thuật bột chôn dính, chân đế cắt vát hai mép sẽ được ưa chuộng hơn để tạo diện tiếp xúc nhỏ nhất, khi đó vết bột chôn dính lưu lại cũng sẽ nhỏ hơn, tạo tính thẩm mỹ cao hơn. Nhưng đương nhiên kỹ thuật này sẽ mất nhiều bước để thực hiện hơn so với mép cắt phẳng, nên đôi khi cắt phẳng mép đế cũng vẫn được kết hợp với bột chôn dính và để lại các vết vòng bột chôn dính to, kém thẩm mỹ. Có lẽ đây là giai đoạn suy thoái của phương pháp bột chôn dính với sự xuất hiện của nhiều phương pháp chôn nung khác để sử dụng hơn.

Còn với phương pháp chôn nung là con kê vành khăn có mấu thì mép đế luôn được cắt phẳng, không cắt vát 2 mép, vì với phương pháp này mép chân đế không còn ảnh hưởng quá nhiều đến thẩm mỹ của sản phẩm, và thực hiện cũng dễ dàng hơn so với kỹ thuật cắt

vát 2 mép.

Thống kê cũng cho thấy diện phủ men sẽ được quyết định bởi phương pháp chôn nung. Cụ thể các sản phẩm chôn nung bằng bột chống dính đều có men phủ không hết thân ngoài, một vài tiêu bản men phủ hết thân ngoài chân đế đều thuộc nhóm chôn nung bằng con kê vành khăn có mấu.

Về hoa văn, sau khi phân loại và so sánh, chúng tôi rút ra một vài nhận xét trong sưu tập này như sau:

+ Dòng men ngọc được chú trọng hơn trong khâu thẩm mỹ, cao cấp hơn so với dòng men trắng, mặc dù về chất lượng men và xương gốm tương đối giống nhau.

+ Sản phẩm khác kiểu dáng có hoa văn khác nhau.

+ Sản phẩm cùng kiểu dáng thì hoa văn giống nhau mặc dù khác màu men.

+ Vị trí trang trí nằm ở trong lòng của sản phẩm.

+ Sản phẩm sử dụng phương pháp in khuôn có số lượng nhiều hơn và phổ biến hơn so với phương pháp khắc vạch.

+ Phương pháp khắc vạch có thể tạo ra cùng motif hoa văn trên bát và đĩa. Trong khi đó motif hoa văn bằng phương pháp in khuôn không có sự trùng lặp trên các loại hình khác nhau và ở mỗi kiểu dáng khác nhau trong từng loại hình.

+ Đề tài trang trí phổ biến là hoa lá, phương pháp khắc vạch thường là hoa sen, còn phương pháp in khuôn là hoa cúc và hoa mẫu đơn.

Như vậy, bộ sưu tập gốm men thời Trần ở bãi Kê Chèo có niên đại Lý - Trần giai đoạn từ đầu thế kỷ 13 đến giữa thế kỷ 14. Về cơ bản gốm men tại đây có các đặc trưng giống với một vài bộ sưu tập gốm men thời Trần ở các di

tích đã được khai quật tại Nam Định và Thăng Long. Tuy nhiên tại các di tích đó phần lớn hiện vật đều là mảnh vỡ. Vì vậy bộ sưu tập này đã cung cấp được một cách toàn diện, đầy đủ về gốm men giai đoạn này. Hơn nữa một vài nhận xét về các đặc điểm kỹ thuật và hoa văn có thể là cơ sở để xây dựng tiêu chí phân loại gốm men thời Trần.□

---

### Tài liệu tham khảo:

1. Lê Ngọc Hân, 2015, “Gốm men thời Lý, Trần qua các đợt khai quật ở khu vực điện Kính Thiên từ năm 2011 đến năm 2013”, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khảo cổ học.

2. Nishino Noriko, 2002, “Classification and chronological sequence of Tran Dynasty Ceramics of Vietnam”, Journal of Southeast Asian Archaeology 22.

3. Nishino Noriko, Nishimura Masanari (2000), “Niên đại, kỹ thuật và vai trò của gốm sứ của di tích Cồn Chè, Cồn Thịnh”, *Những phát hiện mới về KCH năm 2000*, Nxb KHXH, Hà Nội.

4. Ngô Thị Thanh Thúy, 2016, “Đồ gốm men thời Lý và thời Trần trong kho Bảo tàng Hà Nội”, Luận án Tiến sĩ Khảo cổ học.

5. Thân Văn Tiệp, 2018, “Gốm men thời Lý tại địa điểm 62-64 Trần Phú (Ba Đình, Hà Nội)”, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử.

6. Đỗ Đức Tuệ, Hà Văn Tấn (2012), “Đồ gốm sứ Lý Trần ở địa điểm Văn Cao - Hoàng Hoa Thám”, *KCH số 4*, tr.86 - 96.

7. Trịnh Cao Tường, Trần Anh Dũng, 2002, “Điều tra khảo cổ học một số thương cảng cổ ở vùng biển miền bắc Việt Nam từ thế kỷ IX - XVII”, Đề tài Khoa học cấp Ủy ban, Viện Khảo cổ học.

# Chủ đề nông dân trên báo Thanh niên (1925-1930)

□ TRẦN THỊ THANH HUYỀN\*

**Báo Thanh niên (1925-1930) do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp biên tập là tờ báo cách mạng đầu tiên của nước ta. Với vai trò là cơ quan tuyên truyền của tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên, báo không chỉ có ảnh hưởng đối với các thành viên của tổ chức mà còn có vai trò vô cùng quan trọng đối với cách mạng Việt Nam nói chung và dòng báo chí cách mạng Việt Nam nói riêng. Trong thời gian hoạt động của mình, Báo Thanh niên đã rất chú trọng đến giai cấp nông dân và đây là một trong những nội dung của báo.**



*Báo Thanh niên - Tờ báo cách mạng Việt Nam đầu tiên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập*

## 1. Giới thiệu về báo Thanh niên (1925-1930)

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc trở về Quảng Châu với mục đích “mở con đường đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến thẳng Việt Nam”. Tại Quảng Châu người đã liên lạc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây đặc biệt là tổ chức Tâm Tâm xã đang tiếp cận những tư tưởng cách mạng tiến bộ của thời đại. Sau một quá trình tiếp xúc, tìm hiểu, tháng 6 năm 1925, Hội Việt Nam Cách mạng

Thanh niên được thành lập với mục đích: Hi sinh tính mệnh quyền lợi tư tưởng để làm cuộc cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời đã xuất bản báo *Thanh niên* làm phương tiện tuyên truyền mục đích, tôn chỉ và chủ trương của hội và hướng dẫn hoạt động cách mạng cho mỗi hội viên.

Báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của

\* Viện Sử học